TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 240/2023/KDTM-PT
Ngày 30/10/2023
V/v *"Tranh chấp hợp đồng xây dựng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

***Các Thẩm phán*:** Ông Bùi Đức Bằng

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên - Kiểm sát viên

Trong các ngày 26 và 30 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 125/2023/TLPT-KDTM ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc "Tranh chấp hợp đồng xây dựng".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 113/2022/KDTM-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 356/2023/QĐ-PT ngày 12/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 448/2023/QĐ-PT ngày 11/7/2023, Thông báo về việc thời gian mở lại phiên tòa số 464/2023/TB-TA ngày 25/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 610/2023/QĐ-PT ngày 21/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 692/2023/QĐ-PT ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Công ty TNHH A

Địa chỉ: phường Đ, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân K – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Phàn A T, sinh năm 1994. Địa chỉ: phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội; có mặt

-Bị đơn: Công ty TNHH S

Địa chỉ: phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội

Địa chỉ liên lạc: phường N, quận T, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Ngọc S – Giám đốc Công ty; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phan Tùng L, Luật sư của Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Địa chỉ: phố N, quận T, thành phố Hà Nội; vắng mặt

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần T1

Địa chỉ: phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – Tổng giám đốc; có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/10/2018, Công ty TNHH A (sau đây viết tắt là Công ty A) ký hợp đồng kinh tế số 02/2018/HĐKT/STD-APL với Công ty TNHH S (sau đây viết tắt là Công ty S) về việc thi công đóng cột hộ tôn lượn sóng B40 cho dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc B – L. Hạng mục đoạn K45+100-Km 108+500 kết hợp tăng cường mặt đường quốc lộ 1 đoạn Km1+800-K106 + 500 tỉnh B và L theo hình thức hợp đồng BOT.

Hợp đồng có nội dung chính sau:

Bên A chấp nhận và bên B đồng ý thi công đóng cột hộ tôn lượn sóng lưới B40 cho dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc B - thành phố L. Hạng mục: đoạn Km 45+100 – Km 108+500 kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km 1+ 800 – Km 106 +500 tỉnh B và L theo hình thức hợp đồng BOT theo hồ sơ thiết kế và chỉ dẫn bên A.

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
	Thi công lắp đặt: hàng rào hộ lan sóng mạ kẽm nhúng nóng – loại A2 (bước 3m) theo bản vẽ thiết kế được duyệt.	Md	46.328	95.454,55	4.422.218.392
	Thi công lắp đặt: hoàn				

	thiện lưới B40 mạ kẽm nhúng nóng (bao gồm toàn bộ rào thép, trụ thép và các phụ kiện kèm theo) theo bản vẽ thiết kế được duyệt.	Md	19.644	90.909.09	1.785.818.163
Cộng tiền thi công					6.208.036.555
Thuế giá trị gia tăng					620.803.655
Tổng tiền thanh toán					6.828.840.210

Theo đó, Công ty A đảm nhận việc hạng mục thi công đóng cột hộ tôn lượn sóng lưới B40 cho dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc B - thành phố L, tại: đoạn Km 45+100 – Km 108+500 kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km 1+ 800 – Km 106 +500 tỉnh B và L theo hình thức hợp đồng BOT theo hồ sơ thiết kế và chỉ dẫn bên Công ty S với khối lượng tạm tính có tổng giá trị theo hợp đồng là 6.828.840.210 đồng, đã bao gồm thuế VAT 10%. Giá trị quyết toán sẽ căn cứ vào khối lượng thực tế được hai bên xác nhận sau khi hoàn thành tại công trường được hai bên nghiệm thu.

Khối lượng trên là khối lượng tạm tính. Khối lượng thực tế sẽ do các bên nghiệm thu sau khi hoàn thành tại công trường. Giá trị thực tế mà bên B được thanh toán sẽ xác định trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành được các bên nghiệm thu, bàn giao với đơn giá thi công của hợp đồng này.

Phương thức nghiệm thu: Việc nghiệm thu khối lượng công việc sẽ được tiến hành nghiệm thu giữa bên A và bên B. Bên A sẽ ký bản xác nhận khối lượng hoàn thành với bên B để bên B có cơ sở làm hồ sơ thanh toán với bên A.

Hình thức thanh toán:

Bên A tạm ứng cho bên B 20% giá trị hợp đồng ngay sau khi ký hợp đồng được thực hiện. Sau khi bên B hoàn thành 80% khối lượng công việc. Bên A sẽ thanh toán cho bên B 50% tổng giá trị hợp đồng. Bên A sẽ thanh toán 30% giá trị còn lại sau khi bên B thi công hoàn thành khối lượng và có biên bản nghiệm thu giữa hai bên. Hình thức thanh toán: Bên A chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của bên B.

Hồ sơ thanh toán: Hóa đơn VAT, Giấy đề nghị thanh toán, Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành được bên A xác nhận.”…….

Theo đó, Công ty A nhận thi công đóng cột hộ tôn lượn sóng B40 cho dự án đầu tư tuyến cao tốc B – L theo hồ sơ thiết kế và chỉ dẫn của Công ty S với giá trị của hợp đồng là 6.826.653.285 đồng.

* Thực hiện hợp đồng kinh tế số 02/2018/HĐKT/STD-APL ngày 01/10/2018, Công ty A đã ký với Công ty S hai phụ lục hợp đồng, cụ thể:

- Phụ lục hợp đồng số 01-02/2018/HĐKT/STD-APL ngày 15/02/2019 ký giữa Công ty S và Công ty A về số lượng thi công lắp đặt phát sinh thêm giữa hai công ty khối lượng tạm tính:

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Đơn giá (VNĐ/md)	Thành tiền (VNĐ)
	Thi công lắp đặt: hàng rào dây thép gai kẽm nhúng nóng (bao gồm toàn bộ rào thép, trụ thép và các phụ kiện kèm theo) theo bản vẽ thiết kế được duyệt.	17.037	60.000	1.022.220.000
	Thi công lắp đặt: hàng rào hộ lan sóng mạ kẽm nhúng nóng – loại D (bước 2m) theo bản vẽ thiết kế được duyệt.	11.468	100.000	1.146.800.000
	Thi công móng biển ngàn, giá long môn (bao gồm cả đào hố, đan thép, đổ bê tông và san lấp …)	43	11.500.000	494.500.000
Tổng cộng				2.663.520.000

Bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B 100% giá trị khối lượng hoàn thành trong vòng 30 – 45 ngày kể từ ngày nghiệm thu khối lượng hoàn thành và xuất hóa đơn tài chính.

- Phụ lục hợp đồng số 01-02/2018/HĐKT/STD-APL ngày 15/02/2019 đã ký giữa Công ty S và Công ty A về số lượng thi công lắp đặt phát sinh thêm giữa hai công ty khối lượng tạm tính:

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Thi công lắp đặt: hoàn thiện hàng rào dây lưới B40 mạ kẽm nhúng nóng (bao gồm toàn bộ rào thép, trụ thép và các phụ kiện kèm theo) theo bản vẽ thiết kế được duyệt.	md	1.923	55.000	116.341.500
Cộng tiền thi công (đã bao gồm 10% VAT)					116.341.500

Bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B 100% giá trị khối lượng hoàn thành trong vòng 15 – 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu khối lượng hoàn thành và thanh toán hết cho bên A theo phần khối lượng thi công thực tế mà bên B làm được.

Tổng giá trị của hợp đồng và hai phụ lục hợp đồng hai bên đã ký là 9.606.514.785 đồng.

Tuy nhiên, khối lượng thực tế công việc thực hiện và theo biên bản nghiệm thu thì giá trị hợp đồng thực tế là: 6.826.653.285 đồng.

Khối lượng và công việc Công ty A đã hoàn thành theo hợp đồng và các phụ lục hợp đồng đã ký là:

+ Ngày 10/8/2019 các bên ký biên bản xác nhận công nhật, nội dung xác nhận 81 công và 5.200.000 đồng.

+ Ngày 25/12/2019 có biên bản cuộc họp ba bên gồm: nhà thầu chính - Công ty cổ phần T2; nhà thầu phụ - Công ty S; đơn vị thi công - Công ty A. Nội dung thống nhất ngày 29/12/2019, Công ty A chốt công nợ và thanh toán đảm bảo cho người lao động và giải quyết một số vướng mắc và yêu cầu hoàn thiện các hạng mục an toàn giao thông, hoàn thiện tôn sóng và một số hạng mục chưa hoàn thiện.

Tại biên bản xác nhận khối lượng (không đề ngày tháng) năm 2019 của các bên về thực hiện giữa đại diện ban điều hành, đại diện chủ đầu tư BOT; đại diện Công ty A; đại diện Công ty S. Biên bản này là căn cứ hoàn thành công việc và là văn bản đề nghị Công ty S thanh toán cho Công ty A.

Sau khi họp và thống nhất phía Công ty A đã hoàn thiện các hạng mục còn thiếu và có biên bản xác nhận khối lượng như sau:

+ Ngày 07/01/2020 có Biên bản xác nhận khối lượng;

+ Ngày 9/1/2020 có Biên bản xác nhận;

+ Ngày 12/1/2020 có Biên bản xác nhận;

Từ 3 biên bản xác nhận nói trên để khẳng định Công ty A đã hoàn thành công việc mà các bên đã ký năm 2019.

Ngày 15/01/2020 dự án đã đưa vào khai thác và cho xe chạy.

* Số tiền Công ty S phải trả cho Công ty A như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Tổng hạng mục đã hoàn thành nghiệm thu	6.826.653.285
2	Số tiền đã thanh toán	4.267.000.000

3	Số tiền còn nợ	2.559.653.285

Công ty A đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty S thanh toán số tiền theo theo hợp đồng là 2.559.653.285 đồng.

Tuy nhiên, trong thời gian hoãn phiên tòa ngày 30/9/2022, nguyên đơn có bản trình bày về việc điều chỉnh số tiền tăng thêm so với đơn khởi kiện là do cộng trừ nhầm, cụ thể: Tổng các hạng mục Công ty A đã hoàn thành là 7.203.385.285 đồng chứ không phải 6.826.653.285 đồng.

Do vậy, Công ty S phải trả Công ty A số tiền gốc còn nợ như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Tổng hạng mục đã hoàn thành nghiệm thu	7.203.385.285
2	Số tiền đã thanh toán	4.267.000.000
3	Số tiền còn nợ	2.936.653.285

Lãi suất 12%/năm của khoản nợ trên tính từ ngày 14/1/2020 đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Bị đơn và người đại diện của bị đơn trình bày:

Công ty S đã được sao chụp các tài liệu do nguyên đơn xuất trình, Công ty S sẽ có văn bản gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa ngày 26/01/2022, ông S có quan điểm không chấp yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, lý do:

- Công ty A thi công không đảm bảo theo yêu cầu của hợp đồng cũng như chủ đầu tư.

- Nguyên đơn không hoàn thành khối lượng theo như hợp đồng hai bên đã ký, không đảm bảo uy tín, dẫn đến công nhân đình công không thi công, Công ty S đã phải mang tiền đến tận công trình để thanh toán trực tiếp cho công nhân của Công ty A để họ tiếp tục thi công cho công trình.

- Do Công ty A không hoàn thành được các hạng mục của chủ đầu tư, nên Công ty S phải thuê một số nhà thầu khác vào thi công để kịp tiến độ cũng như hoàn thành công trình theo yêu cầu của chủ đầu tư.

- Khối lượng công việc mà Công ty A đã thi công và hoàn thành thì Công ty S đã tạm ứng số tiền 4.267.000.000 đồng là tương ứng đủ với khối lượng công việc Công ty A đã thực hiện trong công trường. Số tiền chênh lệch giữa giá trị của hợp đồng và giá trị Công ty S đã tạm ứng cho Công ty A là khối lượng Công ty S phải thuê các đơn vị khác vào thi công và hoàn thiện công trình để

đảm bảo đúng tiến độ cho chủ đầu tư (Công ty cổ phần T2). Nên Công ty S không chấp nhận trả thêm cho Công ty A như đơn khởi kiện.

Công ty S xác định tính đến nay Công ty S không còn nợ tiền của Công ty A như đơn khởi kiện. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty A.

Do thời gian cận tết nên Công ty S không kịp đi xin xác nhận của các nhà thầu và các đơn vị đã tham gia thực hiện các hạng mục tại gói thầu trên cùng với Công ty A. Đề nghị Hội đồng xét xử cho tạm ngừng phiên tòa để Công ty S có thời gian cung cấp tài liệu chứng cứ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Công ty cổ phần T2 (sau đây viết tắt là Công ty T2) là nhà thầu chính thực hiện một số gói thầu thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc B – L. Công ty T2 đã ký kết hợp đồng để giao lại cho Công ty S là nhà thầu phụ triển khai một số hạng mục thi công thuộc gói thầu dự án cao tốc B – L.

Ngày 28/8/2018 gói thầu ATGT.1; Ngày 27/5/2019 gói thầu ATGT.2; Ngày 10/11/2019 gói thầu ATGT.3

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T2 đã tiến hành nghiệm thu và thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo các hợp đồng cho Công ty S và không có tranh chấp gì.

Giữa Công ty T2 và Công ty A không có thỏa thuận hay ký kết hợp đồng giao dịch liên quan đến triển khai thi công tại dự án cao tốc B – L.

Do đó, Công ty T2 đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp giữa Công ty A và Công ty S theo pháp luật. Công ty T2 xin không tham gia tố tụng và xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 113/2022/KDTM-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội đã xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 300, 301 luật thương mại. Khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Luật doanh nghiệp, Luật thi hành án dân sự.

Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A đối với Công ty TNHH S.

2. Buộc Công ty TNHH S phải trả Công ty TNHH A số tiền:

2.1 Tiền nợ gốc 2.515.893.285 đồng. (Hai tỷ, năm trăm mười lăm triệu, tám trăm chín mươi ba triệu, hai trăm tám mươi lăm đồng).

2.2 Tiền lãi tính từ ngày 01/3/2020 đến ngày 30/9/2022 theo lãi suất 10,8%/1 năm, là: 2.515.893.285 đồng x 10,8%/năm x 2 năm 7 tháng = 701.934.226 đồng. (Bảy trăm lẻ một triệu, chín trăm ba mươi tư ngàn, hai trăm hai mươi sáu đồng)

2.3 Tiếp tục phải chịu lãi suất 10,8%/1 năm kể từ ngày 1/10/2022 đến khi thanh toán xong nợ gốc.

3. Công ty TNHH A phải xuất hóa đơn theo quy định đối với tổng số tiền 3.144.790.000 đồng.

4. Bác yêu cầu của Công ty TNHH A về đề nghị buộc Công ty TNHH S phải trả số tiền 420.760.000 đồng.

5. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

5.1 Công ty TNHH S phải chịu án phí là 96.356.000 đồng (Chín mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi sáu ngàn đồng).

5.2 Công ty TNHH A phải chịu 21.000.000 đồng án phí (Hai mươi mốt triệu đồng). Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 36.900.000 đồng (Ba mươi sáu triệu, chín trăm ngàn đồng) đã nộp, Công ty TNHH A được hoàn trả lại số tiền 15.900.000 đồng (Mười lăm triệu, chín trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0015100 ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, Công ty TNHH A có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Công ty TNHH S, Công ty cổ phần T2 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản bản án./.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Công ty TNHH S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay:

Các bên đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm và giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn thanh toán cho nguyên đơn 300.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Công ty TNHH S được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Công ty TNHH A với Công ty TNHH S phát sinh từ hợp đồng xây dựng, nên được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Bị đơn là Công ty TNHH S có địa chỉ tại phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] - Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Ngày 22/10/2020, Công ty TNHH A (sau đây viết tắt là Công ty A) ký hợp đồng kinh tế số 02/2018/HĐKT/STD-APL với Công ty TNHH S (sau đây viết tắt là Công ty S) về việc thi công đóng cột hộ lan tôn lượn sóng lưới B40 cho dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc B – L.

Thực hiện hợp đồng kinh tế số 02/2018/HĐKT/STD-APL ngày 01/10/2018, hai bên đã ký với nhau hai phụ lục hợp đồng số 01-02/2018/HĐKT/STD-APL ngày 15/02/2019.

Công ty A đã nhận được của Công ty S số tiền 4.267.000.000 đồng, trong đó có 3.638.100.000 đồng đã xuất hóa đơn và 628.900.000 đồng chưa xuất hóa đơn.

Theo nguyên đơn về số lượng thi công xây lắp của hợp đồng và các phụ lục hợp đồng có giá trị là 7.203.385.285 đồng. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 4.267.000.000 đồng, còn lại 2.936.653.285 đồng. Nhưng nguyên đơn không xuất trình được những tài liệu chứng minh khối lượng công việc đã thực hiện của các hợp đồng, như không xuất trình được biên bản nghiệm thu, biên bản xác nhận công nợ…

Hồ sơ vụ án thể hiện tại (các bút lục 07, 08, 09) Biên bản xác nhận khối lượng thực hiện không ghi ngày tháng và không có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty S, tại (bút lục 188) Bảng nghiệm thu khối lượng thi công (tạm tính) ngày 25/11/2019 chỉ có chữ ký của kế toán Công ty S, không được người đại diện theo pháp luật của Công ty S xác nhận.

Mặt khác, bị đơn cho rằng Công ty A không hoàn thành khối lượng công việc mà các bên đã ký trong hợp đồng và các phụ lục của hợp đồng, nên đã phải thuê các công ty khác đến hoàn thiện khối lượng công việc mà Công ty A chưa thi công.

Án sơ thẩm buộc Công ty S phải trả Công ty A 2.515.893.285 đồng nợ gốc và 701.934.226 đồng nợ lãi là chưa đủ căn cứ.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn 300.000.000 đồng và đồng ý tự nguyện thanh toán số tiền 300.000.000 đồng cho nguyên đơn, nên ghi nhận.

Từ những phân tích trên và theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do sửa án sơ thẩm, nên bị đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận nội dung kháng cáo của Công ty TNHH S

- Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 113/2022/KDTM-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội và xử như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A đối với Công ty TNHH S.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH S về việc đồng ý thanh toán cho Công ty TNHH A số tiền là 300.000.000 đồng

3. Về án phí sơ thẩm:

Công ty TNHH A phải nộp 104.771.750 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ 36.900.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0015100 ngày 05/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đ, thành phố Hà Nội, nên còn phải nộp 67.871.750 đồng

4. Về án phí phúc thẩm:

Hoàn trả Công ty TNHH S 3.000.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0071248 ngày 16/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đ, thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS quận Đ, tp Hà Nội;
- TAND quận Đ, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn